

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 112/2020/HS-PT

Ngày: 27-11-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Tỉnh

Các Thẩm phán: Ông Tôn Văn Thông

Bà Hồ Thị Thanh Thúy

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Trung Tín – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Thanh Thảo – Kiểm sát viên

Ngày 27 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 97/2020/TLPT-HS ngày 23 tháng 10 năm 2020 đối với bị cáo B.T.P do có kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 42/2020/HSST ngày 23 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Bị cáo bị kháng nghị: **B.T.P**, sinh năm 2001 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: Số xxxDx Khu phố x, Phường x, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa: không biết chữ; giới tính: nam; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; con ông N.T.E và bà B.K.H; tiền án: không; tiền sự: không; bị cáo tại ngoại; có mặt;

Người làm chứng: P.Q.Q, sinh ngày xx-xx-xxxx, cùng người giám hộ: P.T.V, sinh năm xxxx, cùng cư trú: số xx HL, Phường x, thành phố Bến Tre (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 00 giờ 35 phút ngày 18/02/2020, lực lượng Cảnh sát cơ động Công an tỉnh Bến Tre đang tuần tra trên đường Hùng Vương, đến đoạn thuộc Khu phố 4, Phường 7, thành phố Bến Tre thì phát hiện B.T.P đang điều khiển xe gắn máy biển số 71FM-xxxx chở phía sau Phạm Quốc P.Q.Q có biểu hiện nghi vấn nên yêu cầu B.T.P

dừng xe để kiểm tra nhưng B.T.P không chấp hành yêu cầu dừng xe mà điều khiển xe tiếp tục bỏ chạy nên lực lượng tuần tra truy đuổi. Khi đến khu vực gần cầu Kiến Vàng, thuộc Khu phố 4, Phường 7, thành phố Bến Tre, Q ngồi sau ném xuống đường 01 gói giấy bên trong có chứa 07 đoạn ống nhựa trắng, sọc xanh, hàn kín hai đầu, bên trong mỗi đoạn ống nhựa có chứa chất màu trắng là ma túy để phi tang nhưng bị lực lượng Công an phát hiện thu giữ, lập biên bản vụ việc và chuyển giao cho đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an thành phố Bến Tre giải quyết theo thẩm quyền.

Vật chứng thu giữ gồm:

- 01 xe gắn máy nhãn hiệu Max III Plus, màu sơn đỏ, biển số 71FM-xxxx, số máy: FMBxxxxxx, số khung: PD8Axxxxxx.

- 01 điện thoại di động hiệu Vivo, màu vàng gold, số Imei 1: xxxxxxxxxxxxxxxx, số Imei 2: xxxxxxxxxxxxxxxx, số seri sim: xxxx.xxxx.xxxxxxxxxxxx (Thu của B.T.P).

- Thu trên mặt đường, cách xe gắn máy biển số 71FM-xxxx khoảng 10m: 01 gói giấy, bên trong có chứa 07 đoạn ống nhựa trắng, sọc xanh, hàn kín hai đầu, bên trong mỗi đoạn ống nhựa có chứa chất màu trắng nghi là ma túy (Sau khi thu giữ được niêm B.T.P trong B.T.P bì có chữ ký, ghi tên của P.Q.Q, N.N.T, V.K.A, P.N.T, 02 hình dấu vân tay màu đỏ và dấu tròn màu đỏ của Công an Phường 7, thành phố Bến Tre).

Theo kết luận giám định số 13/2020/GĐMT ngày 19/02/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bến Tre kết luận: Chất màu trắng đựng trong 07 (bảy) đoạn ống nhựa được niêm B.T.P trong B.T.P bì gửi giám định là ma túy, loại: Heroine, khối lượng 0,3061 gam.

* Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 75/2020/HS-ST ngày 16/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre, đã quyết định: Tuyên bố bị cáo B.T.P phạm “Tội tàng trữ trái phép chất ma túy”. Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo B.T.P 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án. Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 15/10/2020 Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre kháng nghị, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm theo hướng áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự và tăng nặng hình phạt tù đối với đối với B.T.P.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre không thay đổi quan điểm kháng nghị.

Bị cáo thừa nhận gói ma túy bị thu giữ là của bị cáo mua để sử dụng, nhưng cho rằng bị cáo trực tiếp mua và giữ không phải do P.Q.Q mua và do bị cáo ném về bên phải của bị cáo. Bị cáo Thừa nhận lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra là tự nguyện khai, không ai hướng dẫn khai báo; lời khai tại cơ quan điều tra không khai đồ cho P.Q.Q.

P.Q.Q trình bày ma túy do B.T.P mua, cho rằng lời khai tại cơ quan điều tra là tự nguyện khai không bị ai hướng dẫn khai.

Ông P.T.V trình bày có tham gia chứng kiến việc lấy lời khai của P.Q.Q, việc khai báo của P.Q.Q là tự nguyện.

Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên thể hiện như sau: Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm có sự gian dối, nên không chấp nhận lời khai của bị cáo và nhân chứng, do lời khai trước đây của bị cáo và người làm chứng là tự nguyện khai báo. Về tội danh, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố bị cáo B.T.P phạm “Tội tàng trữ trái phép chất ma túy” là đúng người, đúng tội. Tuy nhiên áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự để xét xử bị cáo là chưa phù hợp, do B.T.P muốn mua ma túy để sử dụng nhưng không trực tiếp mua mà đưa tiền cho P.Q.Q là người dưới 16 tuổi trực tiếp mua và cất giữ ma túy cho đến khi bị bắt quả tang. Lẽ ra Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo theo điểm đ khoản 2 Điều 249 Bộ luật hình sự, nên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre kháng nghị là có cơ sở. Đề nghị không chấp nhận tình tiết giảm nhẹ thật thà khai báo của bị cáo và đề nghị áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355; điểm a khoản 2 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự. Chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre, sửa bản án sơ thẩm. Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 249; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo B.T.P từ 05 năm đến 06 năm tù về “Tội tàng trữ trái phép chất ma túy”. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bị cáo không nói lời sau cùng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre gửi đến Tòa án trong thời hạn kháng nghị phù hợp với quy định tại Điều 337 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét lời khai của bị cáo và người làm chứng trong quá trình điều tra là tự nguyện khai báo, nên không có căn cứ cho rằng lời khai của bị cáo và nhân chứng bị

ép cung, hướng cung, có cơ sở xác định lời khai của bị cáo và nhân chứng tại cơ quan điều tra là khách quan, phù hợp với lời khai tại phiên tòa sơ thẩm. Như vậy, lời khai của bị cáo và nhân chứng trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm là chứng cứ khách quan làm cơ sở chứng minh cho ý thức và hành vi của bị cáo.

Lời khai tại phiên tòa phúc thẩm của bị cáo và nhân chứng không phù hợp với quá trình thực nghiệm điều tra, nên không có cơ sở chấp nhận.

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, có cơ sở xác định. Khoảng 00 giờ 35 phút ngày 18/02/2020, B.T.P cùng với P.Q.Q đã có hành vi cất giấu trái phép 0,3061 gam ma túy, loại Heroine để sử dụng. Số ma túy bị thu giữ là do B.T.P cùng đi mua với P.Q.Q, B.T.P đưa tiền cho P.Q.Q để P.Q.Q giao tiền, nhận ma túy từ một người tên H và P.Q.Q cất giữ ma túy để về sử dụng thì bị phát hiện. Với ý thức, hành vi và khối lượng chất ma túy mà B.T.P tàng trữ, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố bị cáo B.T.P phạm tội “Tội tàng trữ trái phép chất ma túy” theo Điều 249 Bộ luật Hình sự là có cơ sở, đúng quy định pháp luật.

[3] Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre, thấy rằng Tòa án cấp sơ thẩm khi xét xử B.T.P về “Tội tàng trữ trái phép chất ma túy” nhưng nguồn ma túy bị cáo có được từ việc B.T.P và P.Q.Q cùng đi mua để sử dụng, B.T.P là người đưa tiền cho P.Q.Q và P.Q.Q là người trực tiếp tham gia giao dịch giao tiền, nhận ma túy với người khác theo yêu cầu của B.T.P và cất giữ ma túy đến khi bị phát hiện P.Q.Q ném ma túy đi. P.Q.Q, sinh ngày xx-xx-xxxx đến tham gia giao dịch mua ma túy cho B.T.P để sử dụng, khi đó P.Q.Q là người dưới 16 tuổi. Hành vi của B.T.P cấu thành theo tình tiết định khung tăng nặng tại điểm đ (sử dụng người dưới 16 tuổi vào việc phạm tội) khoản 2 Điều 249 Bộ luật hình sự. Tòa án cấp sơ thẩm tuyên B.T.P phạm vào điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự là chưa phù hợp với hành vi của bị cáo B.T.P. Về hình phạt tù đối với bị cáo, do bị cáo phạm tội theo khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự nên hình phạt áp dụng đối với bị cáo theo khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự (có khung hình phạt từ 05 năm đến 10 năm tù). Về tình tiết giảm nhẹ Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ cho bị cáo (bị cáo có nhân thân tốt, thành khẩn khai báo) do bị cáo tự nguyện khai báo tại cơ quan điều tra phù hợp lời khai tại phiên tòa sơ thẩm và với tình tiết vụ án nên làm tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo. Như vậy, kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre là có căn cứ. Nên chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre sửa bản án sơ thẩm và áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo ở mức thấp nhất mà Kiểm sát viên đề nghị cũng đủ cải tạo giáo dục bị cáo.

[4] Về án phí, bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 355, điểm a khoản 2 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự, chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre, sửa bản án sơ thẩm.

Tuyên bố bị cáo B.T.P phạm “Tội tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo **B.T.P** 05 (năm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt tù.

[2] Về án phí: Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 11 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Bị cáo B.T.P không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[3] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm về xử lý vật chứng và án phí không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT I - Tòa án nhân dân tối cao (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre (3b);
- VKSND thành phố Bến Tre (1b);
- Công an thành phố Bến Tre (1b);
- Chi cục THADS thành phố Bến Tre (1b);
- UBND Phường x, thành phố Bến Tre (1b);
- Bị cáo (1b);
- Phòng KTNV & THA, Tòa Hình sự, Văn phòng TAND tỉnh Bến Tre (5b);
- Lưu hồ sơ vụ án (1b).

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Tỉnh